

Bản án số: 01/2018/KDTM-ST
Ngày 09-4-2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Duy Việt.

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đàm Công Du

Ông Vũ Văn Thôn

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh là Thư ký Tòa án nhân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham dự phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 04/2017/TLST- KDTM ngày 01 tháng 12 năm 2017, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 206/2018/QĐST- KDTM ngày 28 tháng 02 năm 2018 giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần T (gọi tắt là Ngân hàng T); địa chỉ trụ sở: Tòa nhà T, số xx đường L, phường T, quận H, thành phố H;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân T, chuyên viên xử lý nợ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T (theo giấy ủy quyền số 295/2017/UQ – TPB.LC ngày 13 tháng 11 năm 2017), có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại Vận tải và Du lịch Quang H (gọi tắt là Công ty Quang H); địa chỉ trụ sở: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T', Giám đốc công ty, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 11 năm 2017, và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện A, người đại diện cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần T, ông Nguyễn Xuân T trình bày:

Ngày 07 tháng 7 năm 2016, Ngân hàng T và Công ty Quang H có thỏa thuận giao kết hợp đồng tín dụng số 04-07.16/HĐTD/HPG, theo hợp đồng thì Ngân hàng cho Công ty Quang H vay số tiền là 1.395.000đ (một tỷ ba trăm chín mươi lăm triệu). Mục đích vay để thanh toán tiền mua 03 xe ô tô, lãi xuất theo từng lần giải ngân tại các kế ước nhận nợ. Thực hiện hợp đồng ngày 07 tháng 7 năm 2016, Ngân hàng T đã giải ngân chuyển cho Công ty Quang H số tiền đợt 1 là 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng), ngày đến hạn phải trả hết khoản nợ là ngày 07 tháng 7 năm 2021, lãi suất thỏa thuận là 7,8%/năm, sau đó được điều chỉnh theo biên độ 03 tháng 01 lần, biên độ 4,05%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là 01 chiếc xe ô tô Ford, màu bạc số máy G5P14729DURATOR4DxxxH, số khu RL3MLTGMCGKR43xxx, biển kiểm soát 15B-xxxxx. Đợt 2, ngày 08 tháng 7 năm 2016, ngân hàng giải ngân cho Công ty Quang H số tiền 430.000.000đ (bốn trăm ba mươi triệu đồng), ngày đến hạn trả hết nợ là ngày 07 tháng 7 năm 2021, lãi suất thỏa thuận là 7,8%/năm, sau đó được điều chỉnh theo biên độ 03 tháng 01 lần, biên độ 4,05%/năm. Tài sản bảo đảm cho khoản vay 01 xe ô tô Mishubishi Triton màu xám bạc, số khung MMBJNKK30GH056xxx, số máy 4D56UAF3xxx, Biển kiểm soát 15C-216.xxx. Đợt 03, ngày 16 tháng 8 năm 2016, ngân hàng giải ngân cho Công ty Quang H số tiền 365.000.000đ (ba trăm sáu mươi triệu đồng), ngày đến hạn trả hết nợ là ngày 16 tháng 8 năm 2021, lãi suất thỏa thuận là 7,8%/năm, sau đó được điều chỉnh theo biên độ 03 tháng 01 lần, biên độ 4,05%/năm. Tài sản bảo đảm cho khoản vay 01 xe ô tô Mishubishi Attrage, số khung MMBSNA13AFH020xxx, số máy 3A92UCY9xxx, Biển kiểm soát 15A-xxxxx.

Hợp đồng tín dụng số 34-08.16/HĐTD/HPG, ngày 16 tháng 8 năm 2016, theo hợp đồng thì Ngân hàng cho Công ty Quang H vay số tiền là 955,000,000đ (chín trăm năm mươi năm triệu đồng), ngày giải ngân là ngày 16 tháng 8 năm 2016, ngày đến hạn trả hết nợ là ngày 16 tháng 8 năm 2021, lãi suất thỏa thuận là 7,8%/năm, sau đó được điều chỉnh theo biên độ 03 tháng 01 lần, biên độ 4,05%/năm, tài sản bảo đảm cho khoản vay là 01 xe ô tô Samco màu trắng, số khung RLEBPR85KG7100xxx, số máy 2L25514XXX, Biển kiểm soát 15B-xxxxx.

Các tài sản thế chấp đều được lập hợp đồng, công chứng, đăng ký giao dịch đảm bảo.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Quang H đã thanh toán cho Ngân hàng T số tiền 348.676.757đ (ba trăm bốn mươi tám triệu sáu trăm bảy mươi

nghìn bảy trăm năm mươi bảy đồng), trong đó tiền gốc là 248.491.644đ (hai trăm bốn mươi tám triệu bốn trăm chín mươi một nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng), tiền lãi là 100.276.113đ (một trăm triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm mười ba đồng). Khoản vay của Công ty Quang H, tính từ tháng 3 năm 2017, công ty Quang H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận và đã phát sinh nợ quá hạn. Ngân hàng T đã tạo điều kiện, thương lượng nhiều lần để phía Công ty Quang H thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nhưng công ty không trả nợ, tính đến ngày 07 tháng 4 năm 2018, Công ty Quang H còn nợ ngân hàng khoản nợ gốc là 2.101.508.356đ (hai tỷ một trăm linh một triệu năm trăm linh tám nghìn ba trăm năm mươi sáu đồng), số nợ lãi phát sinh, số tiền lãi trong hạn là 167.787.678đ (một trăm sáu mươi bảy triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm bảy mươi tám đồng), số tiền lãi quá hạn là 51.325.076đ (năm mươi một triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn không trăm bảy mươi sáu đồng). Tổng số nợ là 2.320.621.110đ (hai tỷ ba trăm hai mươi triệu sáu trăm hai mươi một nghìn một trăm mười nghìn đồng), Ngân hàng T yêu cầu Công ty Quang H phải có trách nhiệm trả khoản nợ này, trong T hợp công ty Quang H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án cho phát mại tài sản thế chấp là 04 chiếc xe ô tô như đã trình bày.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty Quang H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến giải quyết vụ án theo đơn khởi kiện của ngân hàng, nhưng đều vắng mặt không có lý do, không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn là Ngân hàng T có đơn khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, Công ty Quang H là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn đã cơ bản thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, người đại diện của bị đơn Công ty Quang H không đến tham gia tố tụng tại phiên tòa, không có lý do, là đã không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đề nghị giải quyết: Buộc Công ty Quang H phải trả cho Ngân hàng T số tiền nợ gốc là 2.101.508.356đ (hai tỷ một trăm linh một triệu năm trăm linh tám nghìn ba trăm năm mươi sáu đồng); khoản tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 04-07.16/HĐTD/HPG, ngày 07 tháng 7 năm 2016, số 34-08.16/HĐTD/HPG, ngày 16 tháng 8 năm 2016, tính đến ngày 07 tháng 4 năm 2018 là 219.112.754đ (hai trăm mười chín triệu một trăm mười hai nghìn bảy trăm năm mươi tư đồng), trong đó lãi trong hạn là 167.787.678đ (một trăm sáu mươi bảy triệu bảy trăm tám mươi bảy

ngàn sáu trăm bảy mươi tám đồng), lãi quá hạn là 51.325.076đ (năm mươi một triệu ba trăm hai mươi lăm ngàn không trăm bảy mươi sáu đồng). Tổng số tiền Công ty Quang H phải thanh toán trả ngân hàng là 2.320.621.110đ (hai tỷ ba trăm hai mươi triệu sáu trăm hai mươi một ngàn một trăm mười ngàn đồng), trong T hợp Công ty Quang H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án cho pháp mãi các tài sản thế chấp đã ký kết; về án phí buộc Công ty Quang H phải nộp toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, trả lại ngân hàng T tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua các tài liệu của vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết tranh chấp thuộc Tòa án nhân dân cấp huyện.

[2] Về sự vắng mặt của người đại diện theo pháp luật của bị đơn ông Phạm Văn T': Ông Phạm Văn T' đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai, vẫn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Phạm Văn T'.

- Về yêu cầu của Ngân hàng T:

[3] Trên cơ sở lời khai của các đương sự và chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ thấy rằng:

Việc Công ty Quang H thỏa thuận vay Ngân hàng T với tổng số tiền 2.350.000đ (hai tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng) với lãi suất 7,8%/năm, sau đó được điều chỉnh theo biên độ 03 tháng 01 lần, biên độ 4,05%/năm, thời hạn vay được xác định là 05 năm, kể ngày 07 tháng 7 năm 2016. Điều này được thể hiện trong các hợp đồng tín dụng số 04-07.16/HĐTD/HPG, ngày 07 tháng 7 năm 2016, số 34-08.16/HĐTD/HPG, ngày 16 tháng 8 năm 2016, hợp đồng tín dụng có chữ ký và đóng dấu của người đại diện của bị đơn Công ty Quang H là ông Phạm Văn T', chức vụ giám đốc công ty. Nên có nghĩa vụ ràng buộc trách nhiệm đối với các bên. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005, đối với nghĩa vụ trả nợ của bên vay thể hiện nội dung “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*”. Theo thỏa thuận của Ngân hàng và Công ty Quang H, ngày 23 hàng tháng, Công ty Quang H phải trả tiền gốc theo kỳ hạn và lãi phát sinh cho phía

Ngân hàng, nhưng phía Công ty Quang H đã không thực hiện đúng cam kết trả nợ như thỏa thuận, chỉ trả được Ngân hàng khoản nợ gốc là 248.491.644đ (hai trăm bốn mươi tám triệu bốn trăm chín mươi một nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng), tiền lãi là 100.276.113đ (một trăm triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm mười ba đồng). Phía Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu Công ty Quang H trả nợ, nhưng không được thực hiện. Việc để xảy ra tranh chấp hoàn toàn do lỗi của Công ty Quang H. Vì vậy yêu cầu trả nợ của T đối với Công ty Quang H, với số tiền gốc còn lại 2.101.508.356đ (hai tỷ một trăm linh một triệu năm trăm linh tám nghìn ba trăm năm mươi sáu đồng) là có căn cứ, cần chấp nhận.

[4] Về lãi suất căn cứ quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng có nội dung: “1. *Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng.* 2. *Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”. Nên yêu cầu về thanh toán khoản lãi suất chậm trả, lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 04-07.16/HĐTD/HPG, ngày 07 tháng 7 năm 2016, số 34-08.16/HĐTD/HPG, ngày 16 tháng 8 năm 2016, giữa ngân hàng và Công ty Quang H và lãi suất này tính đến ngày 07 tháng 04 năm 2018, lãi trong hạn là 167.787.678đ (một trăm sáu mươi bảy triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm bảy mươi tám đồng), lãi quá hạn là 51.325.076đ (năm mươi một triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn không trăm bảy mươi sáu đồng) được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về yêu cầu đối với sản thế chấp của ngân hàng: Tài sản thế chấp là 04 chiếc xe ô tô, cụ thể là:

- 01 xe ô tô Ford, màu bạc số máy G5P14729DURATOR4DxxxH, số khu RL3MLTGMCGKR43xxx, biển kiểm soát 15B-xxxxxx;

- 01 xe ô tô Mishubishi Triton, số khung MMBJNKK30GH056xxx, số máy 4D56UAF3xxx, Biển kiểm soát 15C-216.xxx;

- 01 xe ô tô Mishubishi Attrage, số khung MMBSNA13AFH020xxx, số máy 3A92UCY9xxx, Biển kiểm soát 15A-xxxxxx;

- 01 xe ô tô Samco màu trắng, số khung RLEBPR85KG7100xxx, số máy 2L25514XXX, Biển kiểm soát 15B-xxxxxx.

Những tài sản thế chấp này đều được công chứng, chứng thực và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm, thuộc sở hữu của Công ty Quang H. Nên đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 324; Điều 343; Điều 344 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Điều 355 của Bộ luật Dân sự quy định “*Trong T hợp đã đến hạn thực hiện*

nghĩa vụ dân sự mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì việc xử lý tài sản thế chấp được thực hiện theo quy định tại Điều 336 và Điều 338 của Bộ luật này”; Điều 336 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định “T hợp đã đến hạn thực hiện nghĩa vụ dân sự mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện nghĩa vụ không đúng thỏa thuận thì tài sản cầm cố được xử lý theo phương thức do các bên đã thỏa thuận hoặc bán đấu giá theo quy định của pháp luật để thực hiện nghĩa vụ”. Nên yêu cầu đề nghị phát mại tài sản chấp được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn Công ty Quang H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong T hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ quy định tại các Điều 280, khoản 1 Điều 281, 290, 336, 338, 343, 344, 355 471, 474, 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc Công ty TNHH Thương mại Vận tải và Du lịch Quang H phải có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T số tiền nợ gốc là 2.101.508.356đ (hai tỷ một trăm linh một triệu năm trăm linh tám nghìn ba trăm năm mươi sáu đồng); khoản tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 04-07.16/HĐTD/HPG, ngày 07 tháng 7 năm 2016, số 34-08.16/HĐTD/HPG, ngày 16 tháng 8 năm 2016, tính đến ngày 07 tháng 4 năm 2018 là 219.112.754đ (hai trăm mười chín triệu một trăm mười hai nghìn bảy trăm năm mươi tư đồng), trong đó lãi trong hạn là 167.787.678đ (một trăm sáu mươi bảy triệu bảy trăm tám mươi bảy

ngàn sáu trăm bảy mươi tám đồng), lãi quá hạn là 51.325.076đ (năm mươi một triệu ba trăm hai mươi lăm ngàn không trăm bảy mươi sáu đồng). Tổng số tiền Công ty Quang H phải thanh toán trả ngân hàng là 2.320.621.110đ (hai tỷ ba trăm hai mươi triệu sáu trăm hai mươi một ngàn một trăm mười ngàn đồng)

Trong T hợp Công ty TNHH Thương mại Vận tải và Du lịch Quang H không thanh toán được khoản nợ trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mại tài sản là:

- 01 xe ô tô Ford, màu bạc số máy G5P14729DURATOR4DxxxH, số khu RL3MLTGMCGR43xxx, biển kiểm soát 15B-xxxxx;

- 01 xe ô tô Mishubishi Triton, số khung MMBJNKK30GH056xxx, số máy 4D56UAF3xxx, Biển kiểm soát 15C-216.xxx;

- 01 xe ô tô Mishubishi Attrage, số khung MMBSNA13AFH020xxx, số máy 3A92UCY9xxx, Biển kiểm soát 15A-xxxxx;

- 01 xe ô tô Samco màu trắng, số khung RLEBPR85KG7100xxx, số máy 2L25514XXX, Biển kiểm soát 15B-xxxxx.

Trong T hợp việc phát mại tài sản không đủ để trả nợ, Công ty TNHH Thương mại Vận tải và Du lịch Quang H phải tiếp tục thanh toán trả đủ các khoản nợ.

2. Về án phí: Công ty TNHH Thương mại Vận tải và Du lịch Quang H phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 78.412.422đ (bảy mươi tám triệu bốn trăm mười hai ngàn bốn trăm hai mươi hai đồng). Trả lại cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí 38.239.000đ (ba mươi tám triệu hai trăm ba mươi chín ngàn), theo biên lai thu số 0002715 ngày 22 tháng 11 năm 2017, của Chi cục thi hành án dân sự huyện A.

Về quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn Công ty TNHH Quang H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày ban hành bản án sơ thẩm, người phải thi hành án (Công ty TNHH Quang H) còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. T hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án

cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận :

- TAND TP Hải Phòng;
- VKS ND TP Hải Phòng;
- VKS ND huyện A;
- THA (DS);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Duy Việt